TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2021/QĐST-HNGĐ	*Hoàng Mai, ngày 09 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa những người yêu cầu:

- Chị **Nguyễn Thị Đức T**, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: tổ 33, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: số 12B, ngách 19, ngõ 85 .., phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Anh **Hoàng Hải N**, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: tổ 33, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: số nhà 92 đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 33, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T và anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N thống nhất xác nhận anh, chị có 01 con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 13/7/2019.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 13/7/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Xét thấy sự thỏa thuận của chị T và anh N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nhà ở chung: chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N.

- **Về con chung**: Chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N thống nhất xác nhận anh, chị có 01 con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 13/7/2019.

Giao con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 13/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Hoàng Hải N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng một tháng), kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu Hoàng Ngọc D đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Hoàng Hải N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung**: Chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đức T và anh Hoàng Hải N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. **Về lệ phí**: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đức T chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006477 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (GCNKH số 27 ngày 27/02/2019);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Phương Minh